

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 240/2020/HC-PT
Ngày: 14/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;
Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 457/2019/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2019/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5587/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Bùi Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trụ sở: Số 35, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ: Thị trấn Kim Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1974 (vợ ông T); địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngân: Ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/4/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện ông Bùi Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:*

Nguồn gốc đất của gia đình ông Bùi Văn T tại Thôn B xã T, diện tích đất 1.357m², thuộc thửa số 116, 165, tờ bản đồ 07 và số 08, bản đồ tuyến, sử dụng trước năm 1985 không có tranh chấp, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2004 nhà nước thu hồi toàn bộ đất của gia đình ông để xây dựng đường Hồ Chí Minh, và bồi thường về đất cho gia đình ông cụ thể:

- Đất ở 400m² với giá 35.000đ/m²,
- Đất sản xuất 645m² với giá 9.800đ/m²,
- Đất vườn 312m² với giá 13.930đ/m²,

Tổng số tiền ông đã nhận là 24.667.160đ.

Sau khi nhận tiền bồi thường, gia đình ông T không biết quyền lợi của mình bị thiệt hại, đến năm 2017 nghe nói các hộ dân ở huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình cũng có đất bị thu hồi mà được bồi thường giá khác nên ông cùng với 54 hộ dân ở Thôn B và thôn Đồi và thôn Thống Nhất, xã T ủy quyền cho ông Bùi Quang A và ông Bùi Ngọc Tr khiếu nại về việc UBND huyện T áp dụng đơn giá bồi thường không đúng. Tại quyết định giải quyết khiếu nại (sau đây gọi tắt là QĐGQKN) số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân.

Không đồng ý với QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T, ông Trần, ông Ảnh đại diện cho các hộ dân tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã T nằm ở vị trí 1 khu vực 2 nhưng UBND huyện T xác định vị trí 3 khu vực 2 là không đúng; UBND huyện T không áp giá bồi thường theo Quyết định số 4307/2004/UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh quy định đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là không đảm bảo quyền lợi cho các hộ dân. Tại QĐGQKN số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với nội dung: Khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A là không có cơ sở.

Không đồng ý với các QĐGQKN nói trên, ông Bùi Văn T cùng với các hộ dân khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết:

Hủy Quyết định GQKN số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Hủy Quyết định GQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện T và yêu cầu áp giá bồi thường lại cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật.

** Tại văn bản ý kiến số 7909/UBND - TD ngày 25/6/2019, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa trình bày:*

Tháng 01/2018 ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã T, huyện T có đơn khiếu nại đối với QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T với nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã T nằm ở vị trí 1, khu vực 2, nhưng UBND huyện T khi thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đường Hồ Chí Minh (năm 2005) đã xác định vị trí 3, khu vực 2 là không đúng.

Căn cứ Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 và Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện T đã ban hành hai Quyết định để phân khu vực và vị trí đất ở của các xã trên địa bàn huyện T: Tại Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 và Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005, UBND huyện T đã áp dụng khoản 1, Mục III, Phần B của “Bảng phân loại đường và vị trí để xác định giá đất” ban hành kèm theo Quyết định xác định đất tại khu vực dọc đường Hồ Chí Minh thuộc xã T là đất thuộc vị trí 1, đường loại III (giá đất ở 35.000đ/m²) không phân thành các khu vực 1, 2, 3.

Căn cứ Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã T xác định bồi thường giá đất ở cho các hộ dân xã T là 35.000đ/m².

Ngày 30/12/2004, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND về việc “Qui định giá các loại đất” để thay thế Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3207/TB-UB ngày 16/8/2004: *“Do xã T ở địa bàn giáp ranh với tỉnh Hòa Bình và là xã đặc biệt khó khăn nên thống nhất giá đền bù thiệt hại đối với những hạng mục mà đơn giá đền bù của tỉnh Thanh Hóa thấp hơn với đơn giá đền bù của tỉnh Hòa Bình thì cho áp dụng đơn giá của tỉnh Hòa Bình”*.

Ngày 15/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 457/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã T đã điều chỉnh tăng

mức bồi thường về giá đất ở cho tất cả các hộ dân được tăng thêm 5.000đ/m² (từ 35.000 đ/m² lên 40.000/m²).

Ngày 23/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 526/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã T đã điều chỉnh tăng mức bồi thường về giá đất vườn, đất nông nghiệp và tăng thêm mức hỗ trợ đời sống.

Đối với đất ở, tất cả các hộ dân của xã T đều được áp dụng đơn giá cùng vị trí như nhau với mức 40.000đ/m² là mức giá cao nhất của địa bàn xã T (tương ứng với vị trí 3 của khu vực 1, xã miền núi theo Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh).

Việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện T bồi thường đất ở cho 54 hộ dân của xã T theo mức giá 40.000đ/m² tại thời điểm tháng 02/2005 là có lợi cho dân theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3207/TB-UB ngày 16/8/2004, đúng với mức giá qui định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh và đúng với Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 30/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Do vậy việc các công dân đòi được áp giá bồi thường đất ở theo vị trí 1, khu vực 2 của xã miền núi và khiếu nại “UBND huyện T bồi thường đất ở cho 54 hộ dân xã T huyện T không theo đơn giá đất qui định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa” là không có cơ sở.

Ngày 30/3/2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1096/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã T, huyện T (trong đó có ông Bùi Văn T). Việc khiếu nại của của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A là không có cơ sở.

** Tại văn bản ý kiến số 1113/BC – UBND ngày 26/6/2019, Biên bản làm việc ngày 06/8/2019, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T trình bày:*

- Về hồ sơ quản lý đất đai: Từ năm 2003 trở về trước tại khu vực thôn Đồi, Thôn B, thôn Thống Nhất xã T không có hồ sơ quản lý đến từng thửa đất. Đến năm 2003 khi thực hiện dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới có “Sơ đồ tuyến đường Hồ Chí Minh” tại xã T từ Km 95+600 đến Km 100, được Sở TNMT tỉnh Thanh hóa phê duyệt. Trên sơ đồ này phản ánh hiện trạng đường mòn Hồ Chí Minh cũ và chỉ giới GPMB xây dựng đường Hồ Chí Minh mới. Hiện trạng đường Hồ Chí Minh trước khi thực hiện dự án là đường đất có chiều rộng khoảng 4-5m. Thời điểm bắt đầu

kiểm kê tại xã T vào tháng 3/2004 (áp dụng Luật đất đai 1993 sửa đổi năm 2001), GPMB xong tháng 2/2005, thông tuyến đưa vào sử dụng năm 2007.

- Về căn cứ xác định vị trí đất và áp giá bồi thường: Tất cả các hộ đều được xác định vị trí 1 của đường loại III và áp giá theo gạch đầu dòng thứ 4 tại khoản 1, mục III của Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện T, giá đất ở là 35.000đ/m². Cơ sở để UBND huyện ban hành Quyết định quy định bảng giá đất là tại Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh về việc “quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, tại Điều 3 giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất. UBND huyện T đã căn cứ vào điều kiện phát triển hạ tầng của từng khu vực và nhóm các xã thành các khu vực, từ đó phân ra các loại đường để xác định giá đất.

Tại Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh, Điều 2 vẫn giao cho UBND các huyện tiến hành phân vùng, phân hạng, phân vị trí, phân loại đất để làm cơ sở áp giá, theo đó ngày 15/8/2005 UBND huyện ban hành Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND quy định giá đất tại thôn Thống Nhất là 40.000đ/m²; thôn Đồi và Thôn B là 22.000đ/m².

- Về việc phê duyệt bồi thường: Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh tại huyện T do UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004; số 4025/QĐ-CT ngày 24/12/2004; số 457/QĐ-UBND ngày 15/02/2005 và số 526/QĐ-CT ngày 23/02/2005.

UBND huyện T không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, UBND huyện chỉ tham gia thành viên Ban GPMB trình UBND tỉnh ký và trực tiếp chi trả đền bù, sau khi có khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện ban hành QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018.

Hiện nay có 54 hộ dân đang khiếu kiện chưa đồng ý với giá bồi thường về đất, trong đó hộ ông Bùi Văn T bị thu hồi 1.357m² được bồi thường 400m² là đất ở. HĐBTGPMB áp giá bồi thường cho ông T là 35.000 đ/m², sau đó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Thông báo số 3207/TB ngày 16/8/2004 với nội dung xã T được áp dụng giá giống như tỉnh Hòa Bình nên sau đó UBND tỉnh có Quyết định phê duyệt bổ sung nâng mức bồi thường cho các hộ lên 40.000đ/m².

Cùng thời điểm đó, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình cùng thực hiện dự án nhưng đến năm 2017 mới có kinh phí, giá bồi thường của tỉnh Hòa Bình được áp dụng tại thời điểm chi trả nên cao hơn nên việc các hộ dân so sánh là không đúng.

Việc xác định vị trí, giá đất đối với hộ ông T là đúng quy định của pháp luật.

* *Chủ tịch UBND xã T trình bày:* Thống nhất với quan điểm giải quyết của UBND huyện T.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngân (vợ ông T):* Thống nhất như ý kiến và các yêu cầu của ông T.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Do Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa vắng mặt nên không tiến hành đối thoại được, do đó vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2019/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Điều 39 Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác đơn khởi kiện của ông Bùi Văn T về yêu cầu Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T; Hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr, ông Bùi Quang A và một số công dân xã T, huyện T và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ ông Bùi Văn T.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/11/2019, người khởi kiện là ông Bùi Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, phiên tòa đã được triệu tập lần thứ 2, đương sự được triệu tập có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp quy định Luật Tố tụng hành chính nên đề nghị xét xử vắng mặt. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu của ông Bùi Văn T đề nghị hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T; hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ ông Bùi Văn T. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định những nội dung sau là có căn cứ:

- Về thẩm quyền ban hành: Các QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T và của Chủ tịch UBND tỉnh nêu trên được ban hành đúng quy định tại Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

- Về thời hiệu giải quyết khiếu nại: Các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh tại xã T từ Km 95+600 đến Km 100 (Là đối tượng khiếu nại) được UBND tỉnh ban hành từ năm 2004 đến năm 2006, trong đó hộ ông T được phê duyệt bồi thường về đất tại Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004, Quyết định số 457/QĐ-CT ngày 15/02/2005 và Quyết định số 526/QĐ-CT ngày 23/02/2005. Cuối năm 2004, đầu năm 2005 ông T đã nhận bồi thường, đến ngày 24/11/2017 ông Trần, ông Ảnh mới đại diện cho 54 hộ đi khiếu nại về đơn giá bồi thường đất ở là đã quá thời hiệu khiếu nại (Điều 9; khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại), tuy nhiên do thời gian thực hiện dự án đã lâu, không có căn cứ chứng minh UBND huyện T đã thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hoặc các hộ đã được nhận Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, nên UBND các cấp ra QĐGQKN.

[2] Về nội dung, căn cứ giải quyết khiếu nại:

Thực hiện dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh, tại Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 04/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kèm theo Tờ trình số 348/TTr-UB ngày 18/6/2004 của UBND huyện T, hộ ông T bị thu hồi toàn bộ diện tích đất 1.357m², thuộc thửa số 116, 165, tờ bản đồ 07 và số 08, thuộc “Sơ đồ tuyến đường Hồ Chí Minh”. Ông T đã nhận bồi thường về đất và các công trình kiến trúc trên đất, nội dung khiếu nại lần đầu, ông T và các hộ cho rằng “UBND huyện T thu hồi đất năm 2005 nhưng khi thực hiện bồi thường không áp dụng giá đất theo Quyết định 4307”. Tại QĐGQKN số 90 của Chủ tịch UBND huyện T không chấp nhận khiếu nại của ông Trần, ông Ảnh đại diện cho các hộ. Sau khi được Chủ tịch UBND huyện ban hành QĐGQKN, nội dung khiếu nại tiếp theo của ông Trần, ông Ảnh đại diện cho các hộ là: “Đất ở của

các hộ dân nằm ở vị trí 1, khu vực 2, nhưng khi thực hiện bồi thường UBND huyện xác định vị trí 3 khu vực 2 là không đúng”.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 4 Điều 56 Luật đất đai năm 2003 có quy định: “...*Giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định được công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 hàng năm, được sử dụng làm căn cứ để tính thuế sử dụng đất,... bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất”.*

Tuy nhiên, thời điểm thực hiện dự án, tại Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh Thanh Hóa chỉ quy định khung giá đất dân cư nông thôn đối với xã miền núi có giá thấp nhất là 5.600đ, cao nhất là 16.100đ/m² giá đất nông nghiệp thấp nhất là 870đ, cao nhất là 9.800đ/m² và tại Điều 2 của Quyết định này “*Giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố để quy định loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất”.* Theo đó, ngày 10/3/2004, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND về việc “*quy định giá các loại đất”*, trong đó khu vực dọc đường Hồ Chí Minh tại xã T thuộc vị trí 1 của đường loại III, có giá 35.000đ/m².

Việc UBND huyện T ban hành Quyết định phân loại đường và quy định bảng giá đất trên địa bàn huyện là thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh, mặt khác việc phân loại đường của UBND huyện T cũng phù hợp với các tiêu chí hướng dẫn tại Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ cụ thể tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định về “*phương pháp xác định giá các loại đất”* quy định đất ở nông thôn được chia ba khu vực, khu vực 1 là đất có mặt tiền tiếp giáp với trục giao thông chính nằm tại trung tâm xã, cụm xã; khu vực 2 nằm ven các trục giao thông liên thôn, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất; khu vực 3 là những vị trí còn lại.

Trong thực tế đất của các hộ nằm dọc đường mòn Hồ Chí Minh cũ không tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ ... do đó, không thuộc khu vực 2 mà thuộc khu vực 3. Theo đó, tại các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND tỉnh Thanh Hóa xác định đất ở của các hộ bị ảnh hưởng do dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh tại Km95+600 đến Km100 đều thuộc vị trí 1 đường loại III, có đơn giá 35.000đ/m². Sau đó xuất phát từ tình hình của xã T là xã đặc biệt khó khăn, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Văn bản số 3207/TB-UBND ngày 16/8/2004 chỉ đạo nâng mức giá bồi thường thiệt hại và hỗ trợ theo đơn giá giáp ranh của tỉnh Hòa Bình, theo đó ngày 15/02/2005, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 457/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh qua xã T về đất ở cho tất cả các hộ thêm 5.000đ/m², hộ ông T đã nhận đủ tiền bồi thường.

Tham khảo bảng giá đất của tỉnh Hòa Bình tại xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn là xã giáp ranh với xã T, huyện T cùng thời điểm thực hiện dự án, tại Quyết định số 21/2003/QĐ-UBND ngày 30/3/2003 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định đơn giá đất ở nông thôn cũng chỉ 24.000đ/m², đến ngày 14/11/2006 UBND tỉnh Hòa Bình mới có văn bản số 1924/UBND-CN cho phép áp dụng hệ số K = 2,91 cho diện tích đất ở bị thu hồi (24.000đ/m² x 2,91 = 70.000đ/m²), tuy nhiên tại thời điểm này xã T, huyện T đã thực hiện bồi thường xong. Vì vậy, việc hộ gia đình ông Bùi Văn T và các hộ dân xã T thắc mắc so sánh với đơn giá bồi thường của huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình là không phù hợp.

[3] Về thời điểm áp dụng đơn giá bồi thường: Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/2004 ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định: “*Giá đất bồi thường là giá theo mục đích sử dụng tại thời điểm có Quyết định thu hồi*”. Theo đó, sau khi hộ ông T được kiểm kê. Ngày 04/11/2004, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3506/QĐ-UBND về việc thu hồi đất giao cho BQLDA 5 Bộ Giao thông vận tải để xây dựng đường HCM từ Km95+600 đến Km100, trong đó có hộ ông T, do đó đơn giá bồi thường đất ở phải được thực hiện theo Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh và Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/4/2003 của UBND huyện T, việc các hộ yêu cầu áp dụng đơn giá bồi thường đất ở theo Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh là không phù hợp vì tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất thì Quyết định 4307 chưa có hiệu lực thi hành.

[4] Từ các phân tích nêu trên, việc UBND huyện T xác định vị trí, đơn giá đất làm cơ sở trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường về đất ở đối với hộ ông T là đúng quy định của pháp luật, theo đó hộ ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T, hủy QĐGQKN của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và yêu cầu được áp giá bồi thường lại cho gia đình ông theo pháp luật là không có cơ sở chấp nhận nên không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Hộ ông T thuộc xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt biệt khó khăn, là đối tượng được trợ giúp pháp lý nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và được miễn án phí hành chính phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên, Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Bùi Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 39 Luật đất đai 2003. Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ. Khoản 1 Điều 9 Nghị định

số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bác đơn khởi kiện của ông Bùi Văn T về yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T; hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr, ông Bùi Quang A và một số công dân xã T, huyện T và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ ông Bùi Văn T.

2. Về án phí: Ông T được miễn án phí hành chính sơ thẩm và được miễn án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho ông T 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0004441 ngày 15/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Anh Dũng